TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q. THANH KHÊ – TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21**/2020/DS-ST
Ngày: 14-7-2020
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Sáng

2. Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Linh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 234/2020/QĐST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A; Trụ sở: Lầu 8, số 266-268 đường A, phường B, quận C, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T – Chức vụ: Phó phòng giao dịch, Chi nhánh Ngân hàng TMCP A tại thành phố Đà Nẵng; Địa chỉ: Số 130A-130-132 đường D, phường E, quận F, thành phố Đà Nẵng. Ông T có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Minh T, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số nhà K251/22 đường G, phường H, quận K, thành phố Đà Nẵng. Ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 29 tháng 11 năm 2019; bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Vào ngày 20 tháng 7 năm 2016, ông Trần Minh T ký với Chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín tại thành phố Đà Nẵng Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và

bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng với mục đích: tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện 06 giao dịch với tổng số tiền 100.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 81.405.000 đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01 tháng 6 năm 2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 17 tháng 7 năm 2019, ông T còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Nợ gốc: 22.803.025 đồng; Lãi quá hạn: 22.147.608 đồng; Tổng cộng là: 44.950.633 đồng (Bốn mươi bốn triệu, chín trăm năm mươi ngàn, sáu trăm ba mươi ba đồng).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp yêu cầu ông T có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông T trả nợ, tuy nhiên ông T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản quy định tại Hợp đồng đã ký.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Minh T phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 17 tháng 7 năm 2019: 44.950.633 đồng (Bốn mươi bốn triệu, chín trăm năm mươi ngàn, sáu trăm ba mươi ba đồng), trong đó nợ gốc: 22.803.025 đồng; Lãi quá hạn: 22.147.608 đồng.

Đối với bị đơn ông Trần Minh T không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập lệ nhiều lần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín đối với ông Trần Minh T về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay là lần thứ hai bị đơn ông Trần Minh T vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét về nội dung khởi kiện:

Vào ngày 20 tháng 7 năm 2016, ông Trần Minh T ký với Chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín tại thành phố Đà Nẵng Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân; lãi suất theo thỏa thuận của các bên. Theo Thông báo về việc thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng quốc tế Sacombank số 113/TB-TTT ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín thì mức lãi suất được áp dụng trong trường hợp này là 2,15%/tháng. Xét thấy việc giao kết Hợp đồng nói trên là đúng về chủ thể, nội dung Hợp đồng phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện giao dịch với số tiền 100.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 81.405.000 đồng.

Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 2, Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 01 tháng 6 năm 2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 17 tháng 7 năm 2019, ông T còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Nợ gốc: 22.803.025 đồng; Lãi quá hạn: 22.147.608 đồng; Tổng cộng là: 44.950.633 đồng (Bốn mươi bốn triệu, chín trăm năm mươi ngàn, sáu trăm ba mươi ba đồng. Như vậy ông T đã vi phạm các cam kết trong hợp đồng, là người có lỗi trong việc thực hiện hợp đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Ông T phải chịu 2.247.531 đồng (44.950.633đ x5%) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.123.765 đồng (Một triệu, một trăm hai mươi ba ngàn, bảy trăm sáu mươi lăm đồng) theo biên lai thu số 0001761 ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 122, 471 và Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín đối với ông Trần Minh T về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Tuyên xử:

1. Buộc ông Trần Minh T phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền 44.950.633 đồng (Bốn mươi bốn triệu, chín trăm năm mươi ngàn, sáu trăm ba mươi ba đồng), trong đó nợ gốc: 22.803.025 đồng; Lãi quá hạn: 22.147.608 đồng.

Kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2020, ông Trần Minh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 20 tháng 7 năm 2016 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

2. Về án phí: Ông Trần Minh T phải chịu 2.247.531 đồng (Hai triệu, hai trăm bốn mươi bảy ngàn, năm trăm ba mươi mốt đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.123.765 đồng (Một triệu, một trăm hai mươi ba ngàn, bảy trăm sáu mươi lăm đồng) theo biên lai thu số 0001761 ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết kết quả xét xử tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Ngọc Hưng